

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội

Ngày	14,300 VNĐ		
31/12/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.4%	-0.7%	-2.7%

DT thuần	Q4/25
107	tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00 -4.8%	
YoY: ▼15.0 -12.6%	

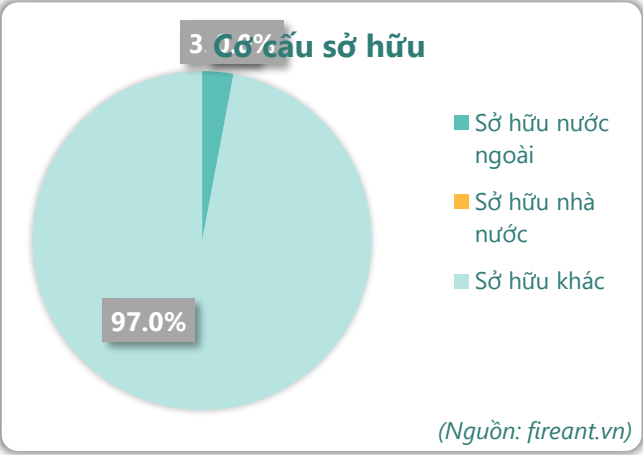
LN thuần	Q4/25
4.65	tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.01 -30.1%	
YoY: ▼7.45 -61.5%	

LN sau thuế	Q4/25
3.64	tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.62 -30.8%	
YoY: ▼6.46 -64.0%	

Tỷ suất lãi EBIT	2025
5.3%	
YoY: +/-▼ 1.1%	

ROE	2025
9.2%	
YoY: +/-▼ 1.6%	

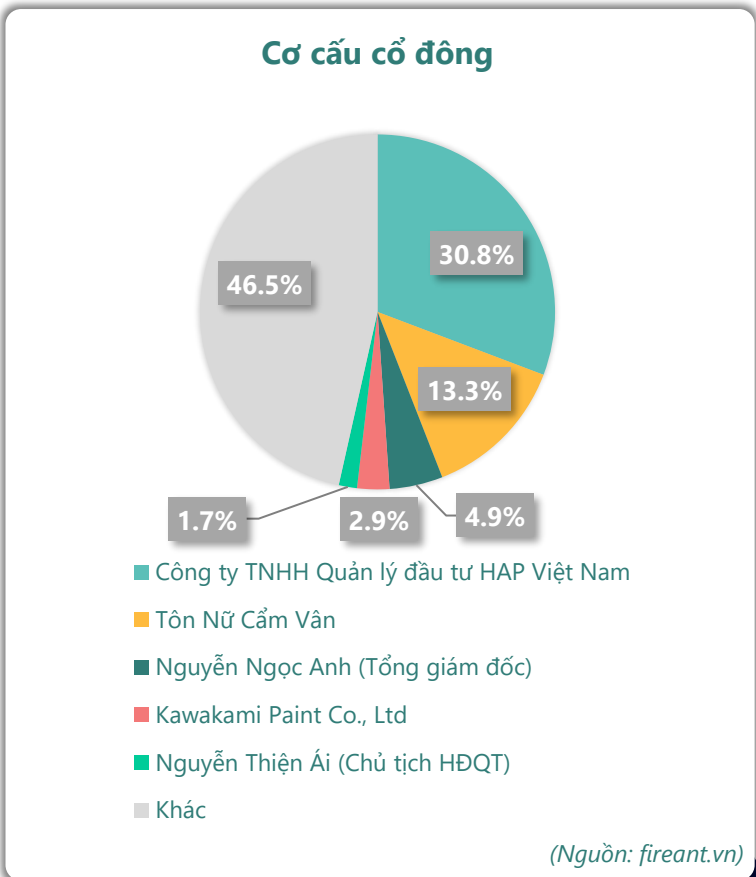
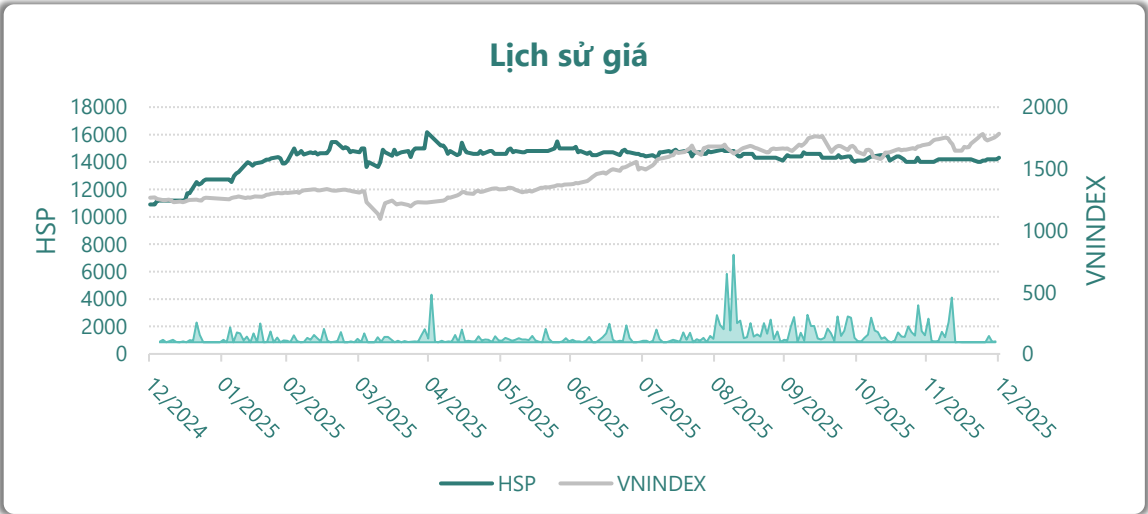
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,903 - 16,173
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
Số lượng CPLH (CP)	12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)	860
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	(0.01)
EPS	1,502
P/E	9.5



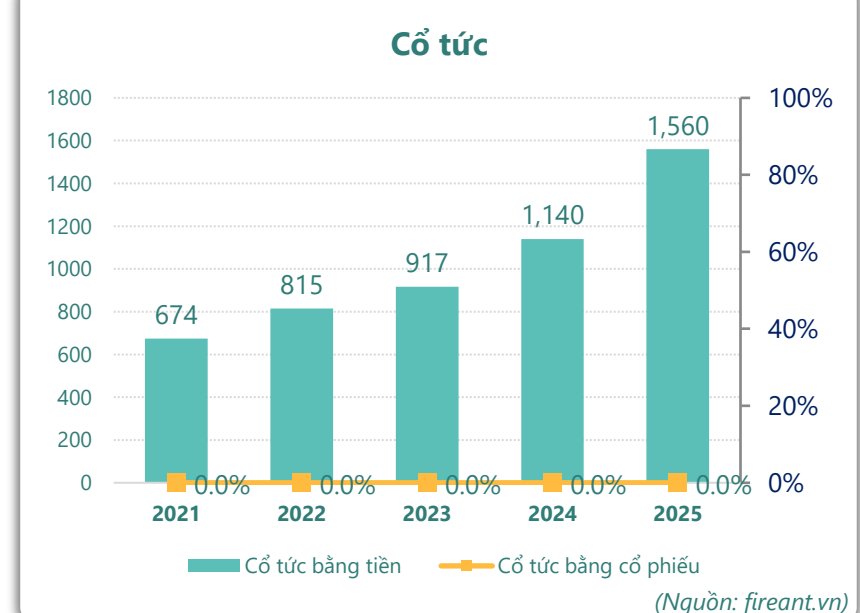
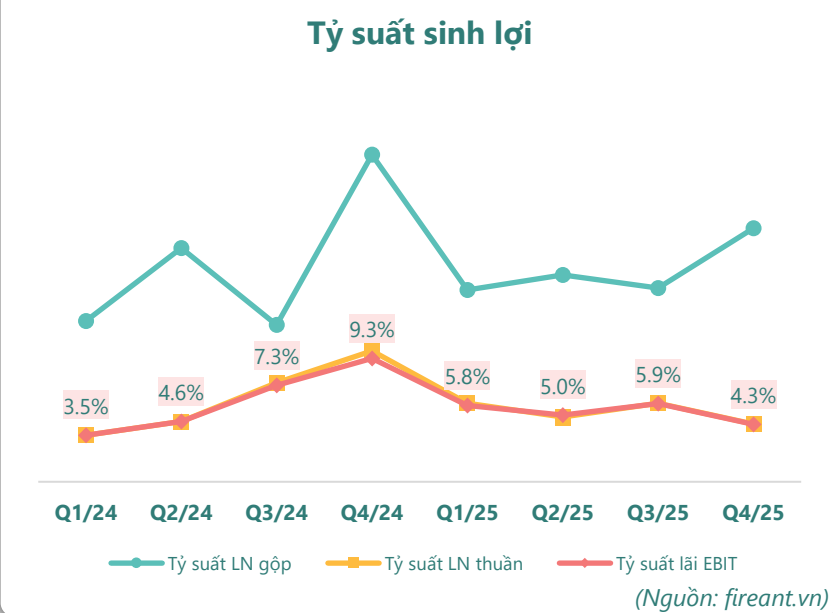
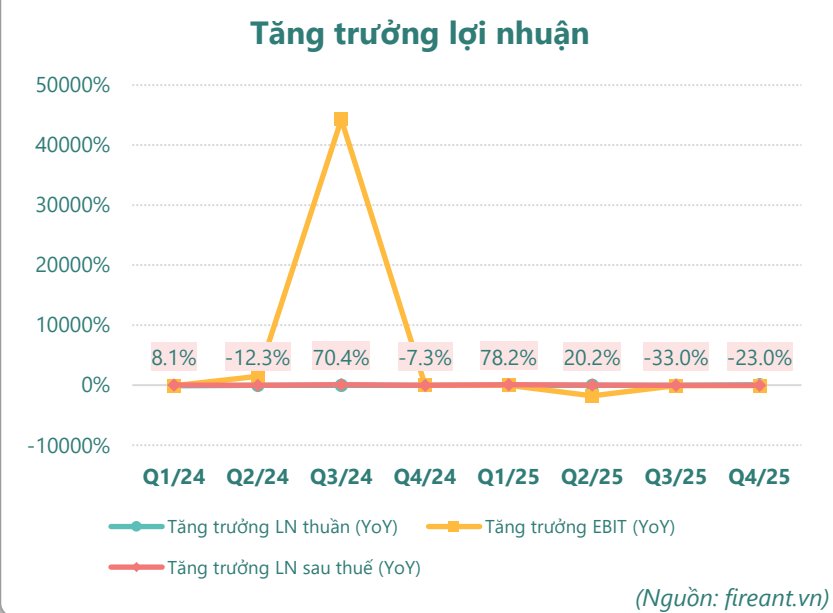
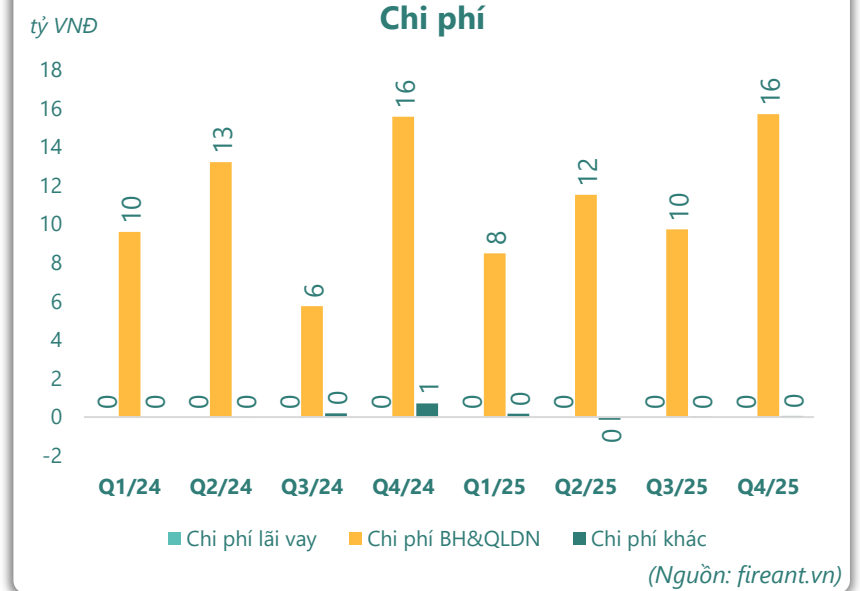
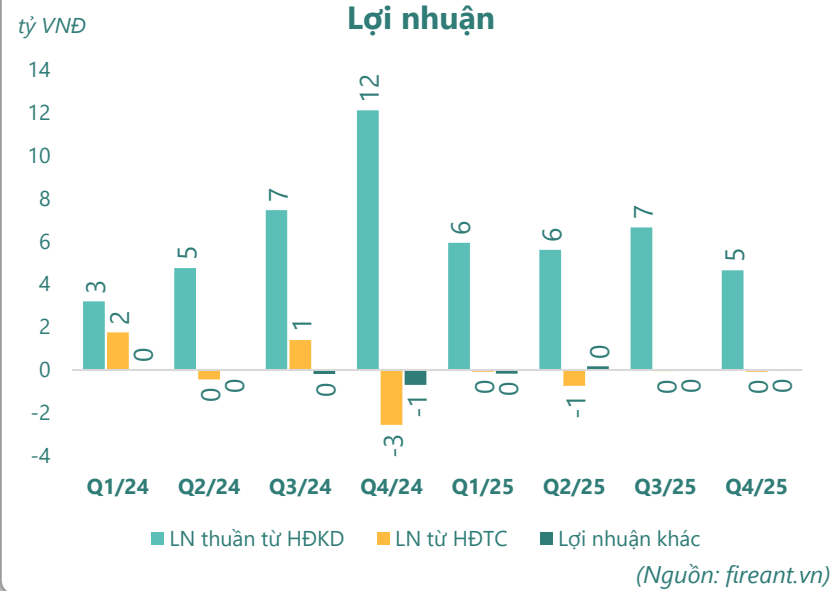
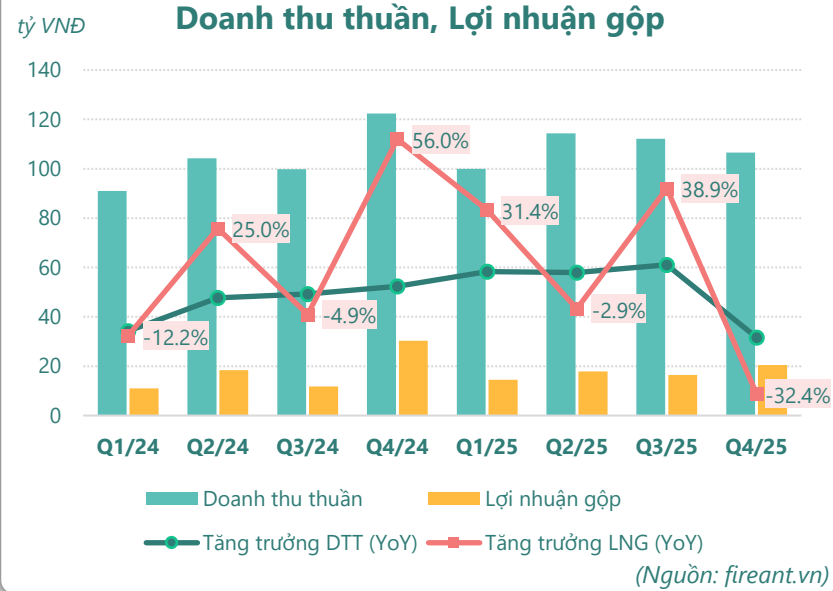
DT thuần	2025
433	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.0 3.8%	

LN thuần	2025
22.9	tỷ VNĐ
YoY: ▼4.40 -16.3%	

LN sau thuế	2025
18.1	tỷ VNĐ
YoY: ▼2.70 -13.0%	



KẾT QUẢ KINH DOANH



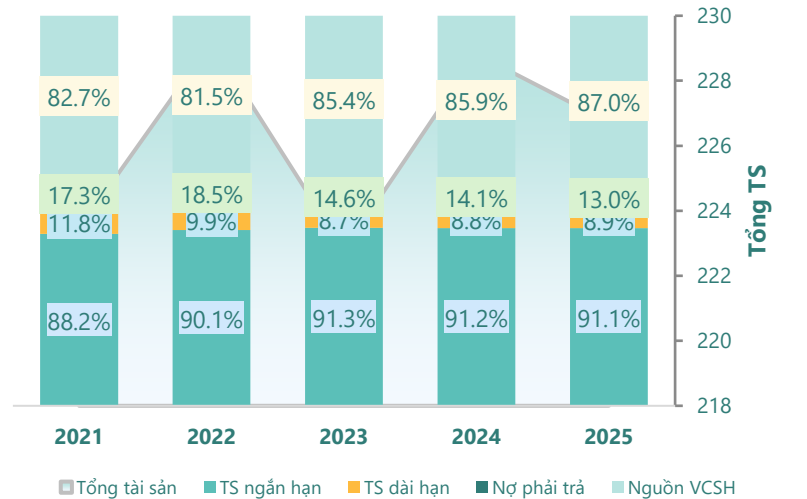


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

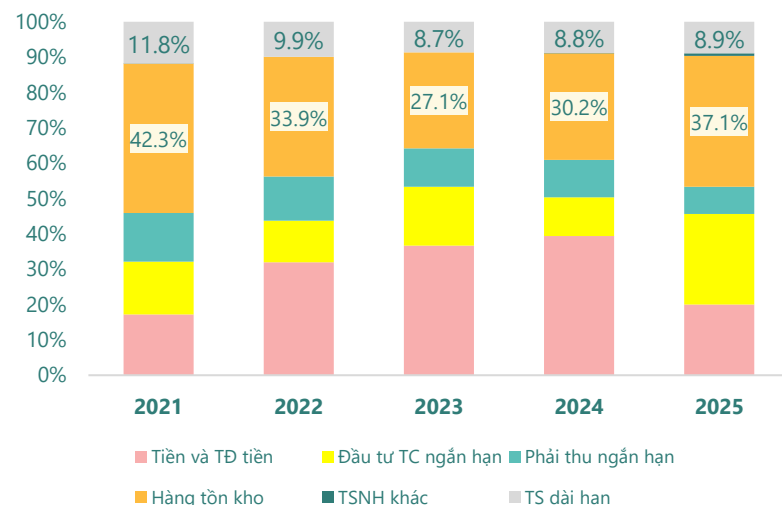
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

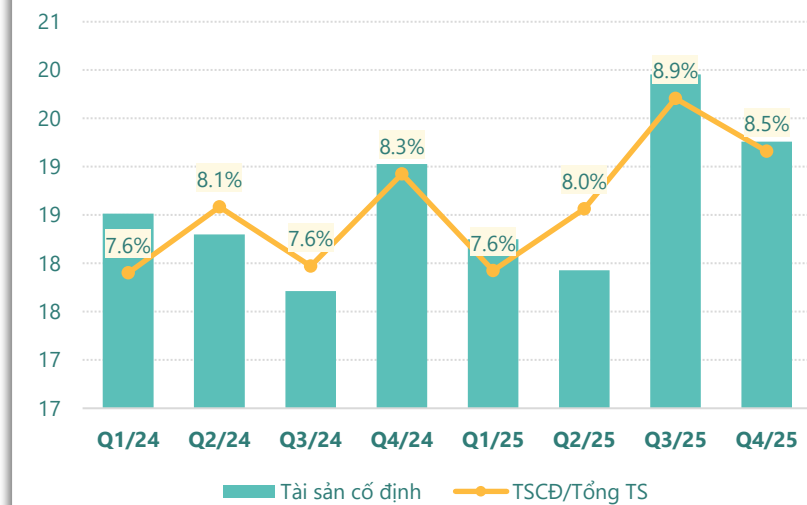
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

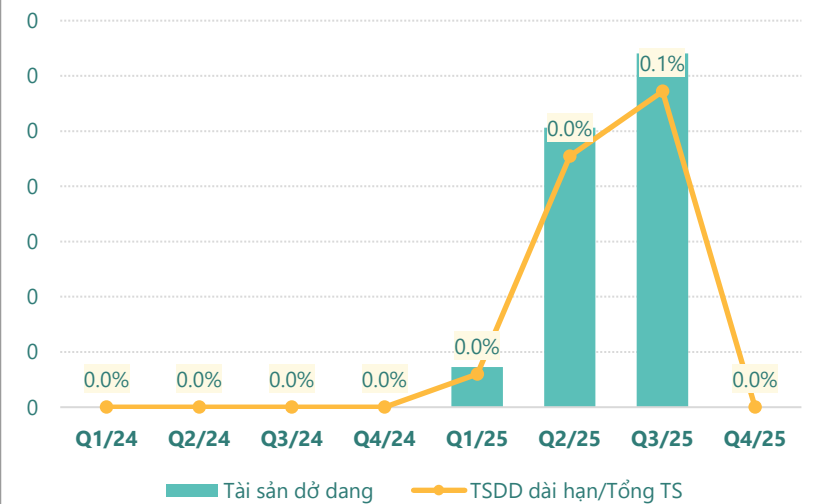
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

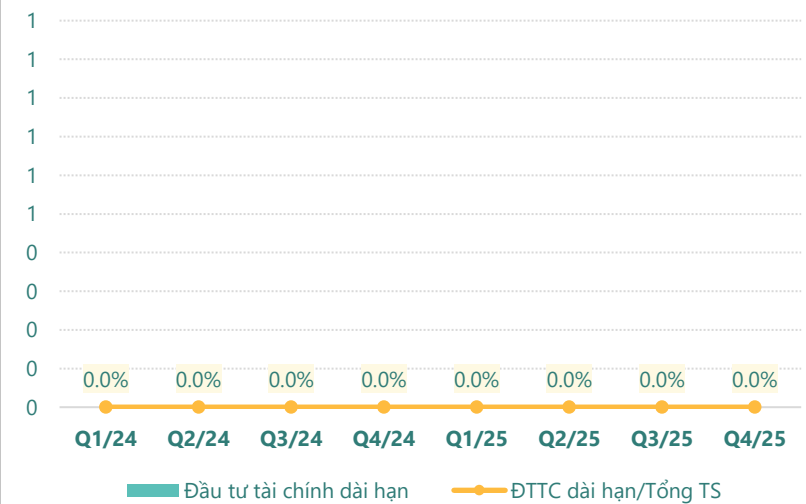
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

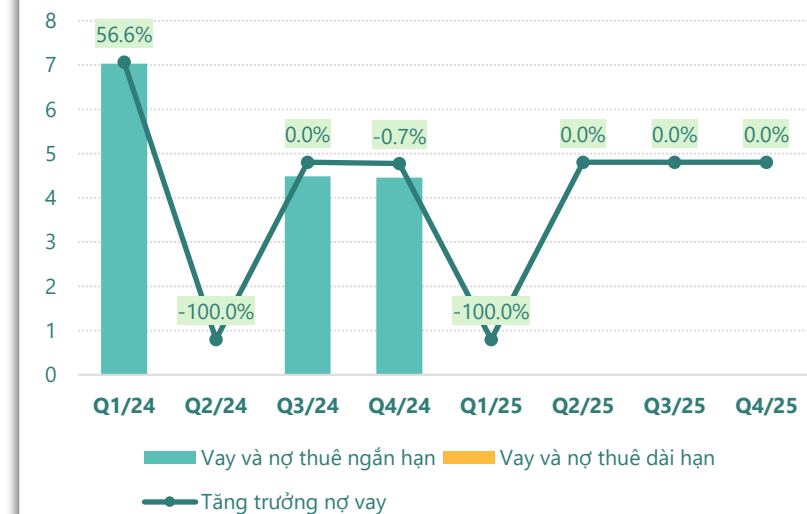
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

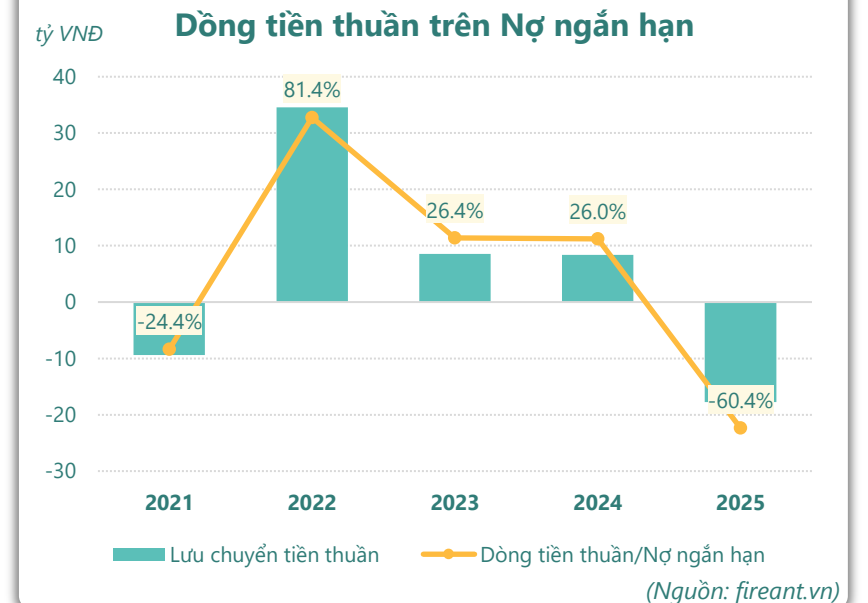
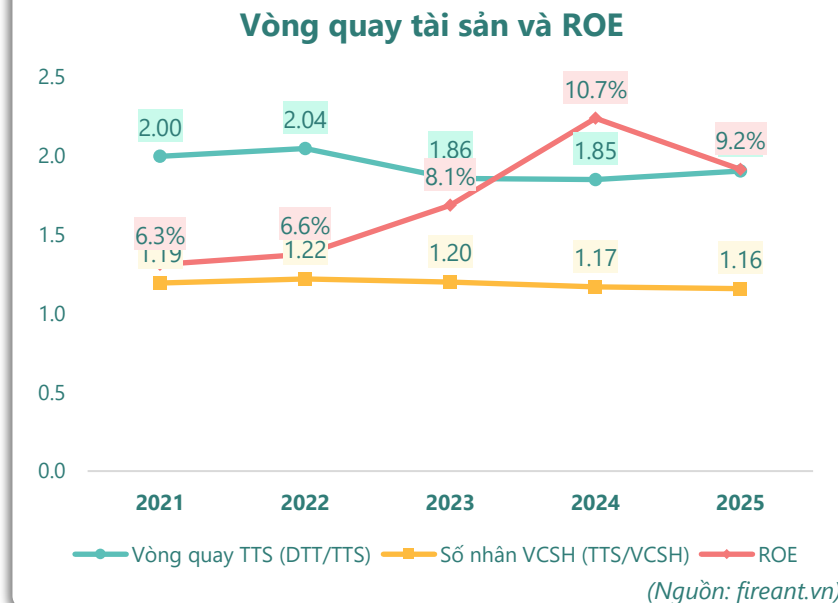
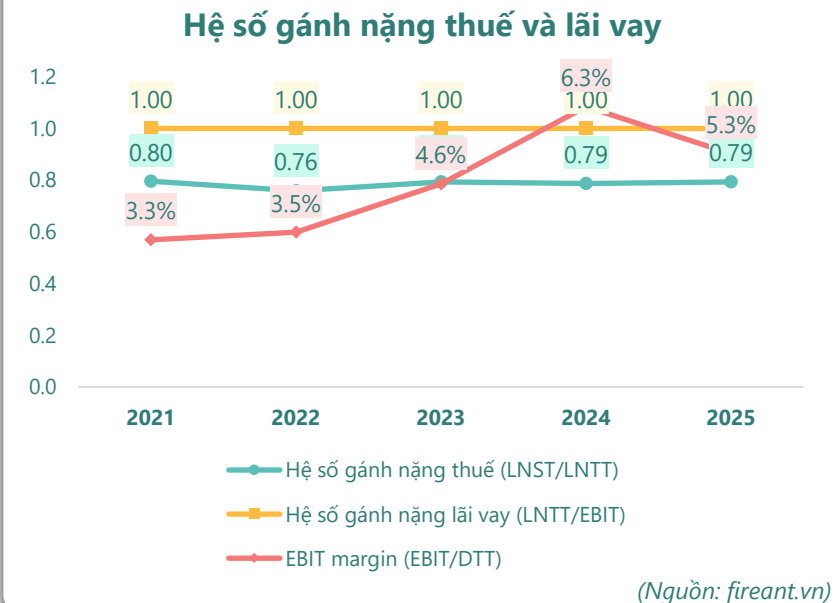
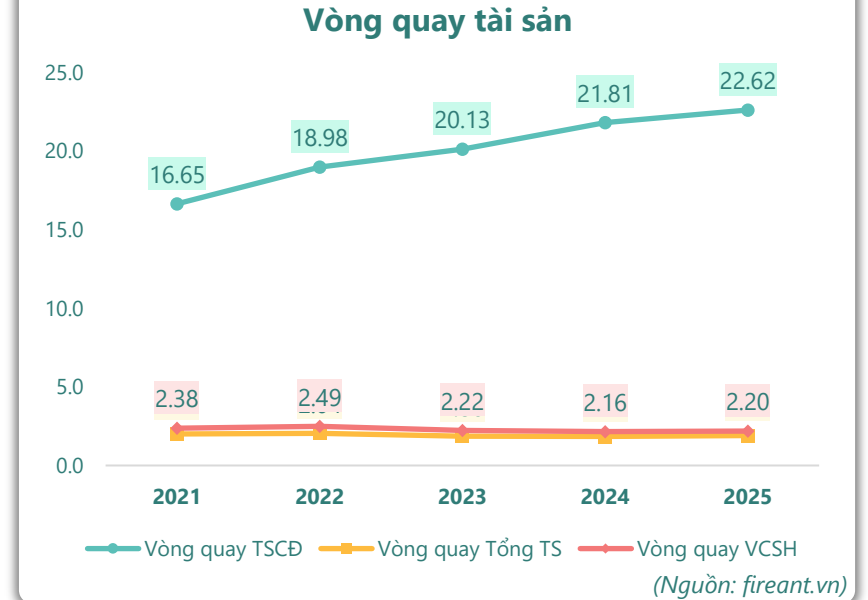
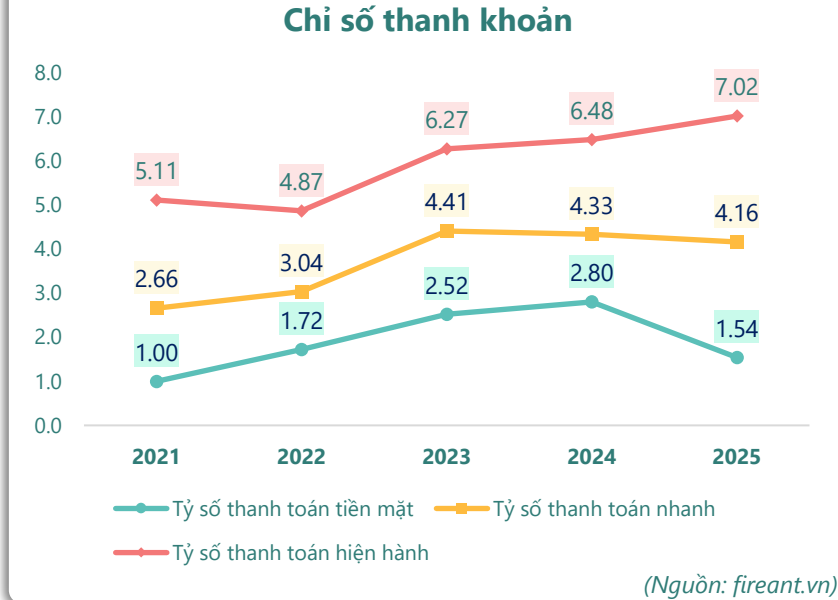
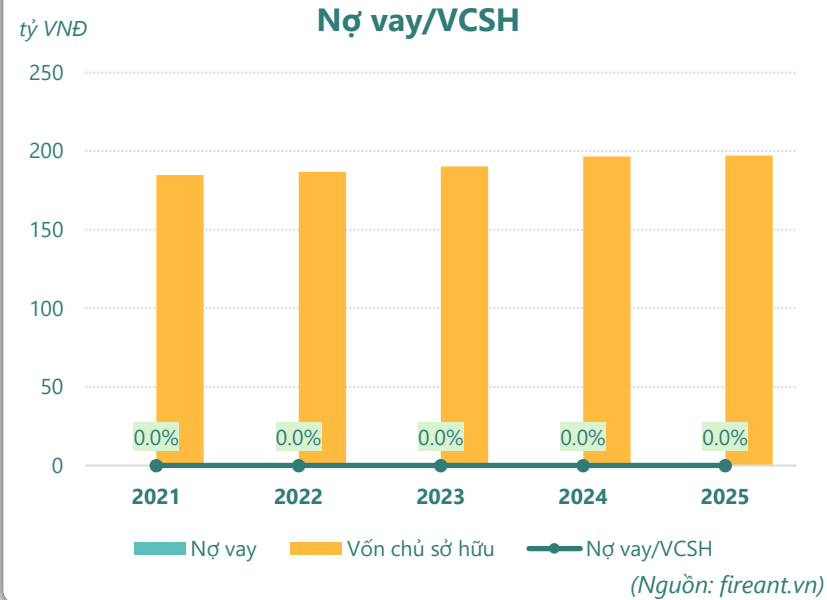
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	107	122	-12.6%	433	417	3.8%
Giá vốn hàng bán	86.1	92.1	-6.5%	364	346	5.2%
Lợi nhuận gộp	20.5	30.3	-32.5%	69.3	71.6	-3.2%
Doanh thu HĐTC	0.74	-0.14	629%	2.79	2.56	9.3%
Chi phí TC	0.82	2.43	-66.2%	3.75	2.31	62.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.12	5.23	36.2%	17.3	14.4	20.4%
Chi phí QLDN	8.59	10.4	-17.4%	28.1	30.1	-6.6%
LN thuần từ HĐKD	4.65	12.1	-61.5%	22.9	27.3	-16.3%
Lợi nhuận khác	-0.04	-0.70	95.0%	-0.07	-0.90	92.1%
LN trước thuế	4.62	11.4	-59.5%	22.8	26.4	-13.7%
Lợi nhuận sau thuế	3.64	10.1	-64.0%	18.1	20.8	-13.0%
LNST của CĐ cty mẹ	3.64	10.1	-64.0%	18.1	20.8	-13.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.9	-7.84	10.8	-4.95	0.52	0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.22	6.16	-5.08	0.14	-1.28	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-15.8	0	-18.2	0	0
Tiền đầu kỳ	56.5	80.6	63.1	68.8	45.8	45.1
Lưu chuyển tiền thuần	24.1	-17.5	5.70	-23.0	-0.76	0.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	80.6	63.1	68.8	45.8	45.1	45.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	227	229	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	206	209	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	45.3	90.1	-49.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	25.0	132%
Phải thu ngắn hạn	17.5	24.3	-28.1%
Hàng tồn kho	84.0	69.1	21.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.67	0.12	1273%
Tài sản dài hạn	20.2	20.2	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	19.3	19.0	1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.97	1.21	-20.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.4	32.2	-8.6%
Nợ ngắn hạn	29.4	32.2	-8.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.69	7.84	-14.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	197	197	0.3%
Vốn chủ sở hữu	197	197	0.3%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

